# HTML controls và Validation controls

**1. Tìm hiểu HTML controls**

# RequiredFieldValidator: Với điều khiển này bạn có thể yêu cầu người dùng phải nhập giá trị vào 1 trường chỉ định trên Form.

* + Đưa điều khiển RequiredFieldValidator từ ToolBox(trong phần Validation) vào trong Form và thêm vào cho nó 2 thuộc tính

+ ControlToValidate: chỉ đến control sẽ được kiểm tra

+ Text(hoặc ErrorMessage): Thông báo lỗi khi kiểm tra

# CompareValidator: để Kiểm tra giá trị nhập vào có nằm trong một khoảng nhỏ nhất và lớn nhất định trước hay không.

* + Đưa điều khiển CompareValidator từ hộp ToolBox vào Form và thiết lập cho nó một số thuộc tính sau:
* ControlToValidate: chỉ đến điều khiển cần kiểm tra
* Text (ErrorMessage): Nội dung thông báo lỗi
* MinimumValue: Giá trị nhỏ nhất thiết lập cho đối tượng
* MaximumValue: Giá trị lớn nhất thiết lập cho đối tượng
* Type: Kiểu so sánh, Có thể là các giá trị Interger,String, Double, Date và Currency.

# RegularExpressionValidator: Điều khiển RegularExpressionValidator cho phép bạn so sánh giá trị nhập tại 1 trường nào đó trên Form với một quy tắc định trước. bạn có thể sử dụng các biểu thức quy tắc để đưa ra các chuỗi mẫu như là email addresses, Social Security numbers, phone numbers, dates, currency, amounts, and product codes.

* + Bạn đưa điều khiển RegularExpressValidator vào Form của mình và thiết lập cho nó một số thuộc tính sau:
* ID: tên của điều khiển
* ControlToValidate: trỏ đến điều khiển cần kiểm tra
* Text(ErrorMessage): nội dung thông báo khi có lỗi
* ValidatorExpression: quy định mẫu nhập liệu như là hòm thư, số điện thoại…

-  CustomValidator: Nếu những điều khiển Validator trên chưa đủ với bạn hoặc bạn muốn tạo một Validator riêng theo ý mình, bạn có thể dụng điều khiển CustomValidator, bạn có thể kết hợp CustomValidator với một hàm.

- CustomValidator có 3 thuộc tính hay sử dụng là:

* ControlToValidator: điểu khiển của Form sẽ được kiểm tra
* Text(ErrorMessage): hiển thị nội dung thông báo lỗi kho có lỗi
* ClientValidationFunction: tên của một hàm client-side để thực hiện kiểm tra trên client-side
* CustomValidator hỗ trợ 1 sự kiện

ServerValidate: Sự kiện được đưa ra khi CustomValidator thực hiện kiểm chứng.

Ví dụ sau sẽ sử dụng sự kiện ServerValidate để kiểm tra độ dài của chuỗi được nhập trong điều khiển TextBox, nếu người nhập, nhập vào chuỗi có độ dài lớn hơn 20 ký tự thì điều khiển CustomValidator sẽ đưa ra thông báo lỗi.

**2. Tìm hiểu code Behind**

Code-Behind là một cách để đính kèm code C# hoặc VB với một trang web và hoạt động dựa trên những hành động cụ thể khi chúng xuất hiện trên trang. Khi bạn biên dịch một Web Form có chứa code-behind, nó trở thành một phần của assembly (hay DLL) để tạo ra chức năng của trang web đó.